

HỌ VÀ TÊN HS:

LỚP:

BÀI 1. TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả (SGK)

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

- Trích từ *Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em* họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Oóc ngày 30 – 9 – 1990, in trong cuốn *Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em*, NXB Chính trị quốc gia – uỷ ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997.

b. Kiểu văn bản: Nhật dụng

c. Bố cục: Văn bản *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em* gồm 17 mục, ngoài phần tuyên bố về mục đích tham dự Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em và nhận thức về nhu cầu, quyền được chăm sóc, phát triển của trẻ em, văn bản được bố cục thành ba phần:

– Phần *Sự thách thức*: Phân tích thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới (trẻ em trước hiểm họa chiến tranh và bạo lực, trẻ em trong thảm họa đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh, ma túy,...).

– Phần *Cơ hội*: Chỉ ra những điều kiện thuận lợi của bối cảnh quốc tế trong việc thúc đẩy việc chăm sóc, bảo vệ quyền trẻ em.

– Phần *Nhiệm vụ*: Xác định những nhiệm vụ cần phải thực hiện của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Nhận thức của cộng đồng về trẻ em và quyền trẻ em:

+ Bản tuyên bố mở đầu bằng lời kêu gọi khẩn thiết: "Hãy bảo đảm cho tất cả trẻ em 1 tương lai tốt đẹp hơn".

-> Lí do đề ra bản tuyên bố.

+ Cách nhìn nhận trẻ em

thông qua đặc điểm tâm sinh lí: Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.

=> Khẳng định về Quyền trẻ em: được sống trong thanh bình, được chơi, được học, được phát triển.

=> Quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là một vấn đề mang tính chất nhân bản.

+ Cách nêu vấn đề gọn, rõ có tính chất khẳng định, giới thiệu mục đích, nhiệm vụ của Hội nghị cấp cao thế giới

2. Những thách thức phản ánh thực trạng của trẻ em trên thế giới

+ Trẻ em có cuộc sống khổ cực không được hưởng những quyền lợi của mình

+ Nạn nhân của chiến tranh, bạo lực, phân biệt chủng tộc, đói nghèo, dịch bệnh, chết vì suy dinh dưỡng,

+ Lí lẽ xác thực, lập luận chặt chẽ, đầy đủ, dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, mang tính liệt kê dồn dập.

=> Trẻ em trên toàn thế giới phải chịu những thảm họa, bất hạnh về nhiều mặt

-> Đó là thách thức lớn với các chính phủ, các tổ chức quốc tế và mỗi cá nhân

3. Những thuận lợi để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em:

+ Sự liên kết giữa các quốc gia.

+ Công ước về Quyền trẻ em.

+ Bầu không khí chính trị quốc tế được cải thiện.

+ Sự hợp tác đoàn kết quốc tế trên nhiều lĩnh vực.

=> Những thuận lợi lớn nhằm cải thiện tình hình, bảo đảm quyền trẻ em.

4. Những đề xuất nhằm đảm bảo cho trẻ em được chăm sóc, bảo vệ, phát triển:

+ Tăng cường sức khỏe, chế độ dinh dưỡng.

+ Quan tâm trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn.

+ Tăng cường vai trò phụ nữ, bình đẳng giới.

+ Xoá nạn mù chữ ở trẻ em.

+ Quan tâm đến bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ.

+ Tạo cơ hội tìm biết nguồn gốc lai lịch của mình.

+ Khuyến khích trẻ tham gia một số hđộng văn hoá, xã hội.

+ Khôi phục sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

-> Nhiệm vụ toàn diện, cụ thể, sát thực tế để mang lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho trẻ em.

4. Tổng kết: Ghi nhớ: (SGK-35)

III. Luyện tập.

1. Viết đoạn văn (8-12 câu) nêu suy nghĩ của em sau khi đọc xong văn bản trên.

2. Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học

BÀI 2: XUNG HÔ TRONG HỘI THOẠI

(Khuyến khích HS tự học)

I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô

Câu 1. Một số từ ngữ thường dùng để xưng hô trong tiếng Việt: tôi - chúng tôi; bạn - các bạn; nó - chúng nó (họ); ta - chúng ta; anh, bác, ông - các anh, các bác, các ông; tao - chúng tao; mày - chúng mày; anh ấy, chị ấy, ...

- Tao - chúng tao, mày - chúng mày, anh ấy, chị ấy...

Câu 2.

a, Dế Mèn- nhân vật kể chuyện xưng “tôi”

- Dế Mèn xưng hô với Dế Choắt: ban đầu là anh- chú mày, về sau là tôi - anh

- Dế Choắt xưng hô với Dế Mèn: ban đầu là em – anh , về sau tôi - anh

Trong đoạn (1), hai nhân vật rất khác nhau, xưng hô hô vị thế kẻ mạnh, kiêu căng, hách dịch với kẻ yếu

- Đoạn (2) có sự thay đổi tình huống, vị thế giao tiếp. Dế Choắt - Dế mèn xưng hô bình đẳng như những người bạn

II. Luyện tập

Bài 1 (trang 39 sgk ngữ văn 9 tập 1)

- Chúng ta: người nói với người nghe

- Chúng tôi/ chúng em: không gồm người nghe

- Chúng mình: có thể gồm người nghe hoặc không

- Cô học viên nhầm từ xưng hô “chúng ta”, dễ dẫn tới hiểu lầm: cô và giáo sư sẽ làm lễ thành hôn

- Cần thay từ chúng ta bằng từ: chúng em hoặc chúng tôi

Bài 2 (trang 40 sgk ngữ văn 9 tập 1)

Trong văn bản khoa học, mặc dù tác giả văn bản chỉ gồm 1 người nhưng người ta vẫn xưng là chúng tôi

Việc dùng “chúng tôi” dụng ý làm tăng tính khách quan ngôn ngữ khoa học, thể hiện sự khiêm tốn của tác giả

- Khi tác giả văn bản khoa học xưng tôi, tác giả muốn nhấn mạnh quan điểm cá nhân của mình trước vấn đề nào đó.

Bài 3 (trang 40 sgk ngữ văn 9 tập 1)

Truyện Thánh Gióng, đứa bé gọi mẹ mình theo cách gọi thông thường

- Cách xưng hô giữa Gióng với sứ giả: ta - ông

- Cho thấy Thánh Gióng là một đứa bé kì lạ, khác thường, chẳng chặc

→ Đối với mẹ, Gióng là đứa trẻ. đối với quốc gia, Gióng là người hùng

Bài 4,5,6 các em tự làm.

BÀI 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHÂN VĂN

Đề bài: Học sinh tìm đọc một quyển sách (hoặc 1 tác phẩm văn học hoặc 1 câu chuyện ngoài chương trình Sách giáo khoa) và viết cảm nhận của bản thân sau khi đọc xong cuốn sách đó.

-Hình thức: Trình bày như một bài văn (khoảng 3 trang giấy)

-Nội dung: Giới thiệu tên cuốn sách, tác giả, nội dung của tác phẩm, điều em ấn tượng với nội dung nhất, bài học rút ra,...

-Hoàn thành vào vở.

CÁC EM TỰ GIÁC LÀM BÀI, HOÀN THÀNH CÁC BÀI HỌC TRƯỚC MỖI GIỜ HỌC TRÊN LỚP!

Chúc các em luôn vui vẻ và học tốt!